

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

--- & ---



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu:

Tên gói thầu: PTV-Thuê xe ô tô văn phòng

Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc

Phát hành ngày: / /2025

Ban hành theo quyết định số: /QĐ-CNMB ngày / /2025

BÊN MỜI THẦU

MỤC LỤC

Mục lục

MÔ TẢ TÓM TẮT	3
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	4
Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU.....	5
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	5
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU	18
Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT.....	20
Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU.....	26
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT	41
Phần 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG.....	43

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật, phạm vi, tiến độ cung cấp dịch vụ mà nhà thầu phải thực hiện.

Phần 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Chương này gồm các điều khoản cụ thể của hợp đồng. Các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, số lượng, số hiệu gói thầu được quy định tại BDL.</p> <p>1.3. Thời gian thực hiện gói thầu được quy định tại BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định tại mục 19.1 CDNT</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL .
4. Hành vi bị cấm	Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 90/2025/QH15.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;b) Hạch toán tài chính độc lập;c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn. <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Khoản 5.1 Mục 5 CDNT.

<p>6. Nội dung của HSMT</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 2. Dự thảo hợp đồng:</p> <p>6.2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. HSMT do Bên mời thầu phát hành là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT</p>	<p>7.1. HSMT được phát hành cho các nhà thầu tham gia lựa chọn nhà thầu rộng rãi trong nước.</p> <p>Thông tin được đăng tải trên trang web đấu thầu của CNG Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>7.2. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.3. Trường hợp cần làm rõ HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Việc làm rõ HSMT được thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã nhận HSMT;

	<p>– Nội dung làm rõ HSMT không trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại mục 7.2 CDNT.</p>
8. Chi phí dự thầu	<p>HSMT được phát hành miễn phí ngay sau khi Bên mời thầu phát hành thành công TBMT. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSDT theo quy định tại BDL. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
9. Ngôn ngữ của HSDT	<p>HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
10. Thành phần của HSDT	<p>HSMT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>10.3. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT;</p> <p>10.4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.</p>
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	<p>Không áp dụng</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.</p> <p>b) Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Bên mời thầu thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT đảm bảo chất lượng, tiến độ.</p>

	<p>c) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Nếu có thư giảm giá riêng trong lúc mở thầu thì vẫn ghi nhận giảm giá. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Hạng mục cung cấp dịch vụ” theo Mẫu số 04 Chương IV.</p> <p>13.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>13.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Bên mời thầu rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p>	<p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu</p>

	<p>lực của HSDT. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại, đồng thời bảo đảm dự thầu sẽ được giải tỏa cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối gia hạn. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu bằng chuyển khoản hoặc séc bảo chi hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>18.2. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp.</p> <p>18.3. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).</p> <p>18.4. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.3 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV).</p> <p>18.5. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm</p>

	<p>đóng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>19.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>19.3. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</p>	<p>20.1. Nộp HSDT: Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>- Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>20.4. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi Bên mời thầu thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.5. Rút HSDT: Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp</p>

	<p>của nhà thầu đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.6. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 19 tháng 09 năm 2025 tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.</p> <p>21.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hay không có thư giảm giá kèm theo HSDT của mình;</p> <p>b) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>c) Mở bản gốc HSDT và đọc rõ các thông tin về: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ, Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu, các thông tin khác liên quan. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>21.3. Biên bản mở thầu: các thông tin nêu tại Khoản 2, Mục này phải được ghi vào Biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.4. Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSDT.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo</p>

<p>HSDT</p>	<p>yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện HSDT thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.</p> <p>23.4. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong</p>

	HSMT.
<p>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Bên mời thầu hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>

27. Nhà thầu phụ và Nhà thầu liên danh	Không áp dụng.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	Không áp dụng.
29. Đánh giá HSDT	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Bên mời thầu tiến hành đánh giá HSDT theo các bước sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>29. 3. Nguyên tắc đánh giá HSDT:</p> <p>a) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác) để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>b) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại điểm a khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì thông tin là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p>
30. Đối chiếu tài liệu	Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gốc khi được Bên mời thầu yêu cầu đối chiếu tài liệu.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định</p>

	<p>tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL.</p> <p>31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
32. Hủy thầu	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã quy định trong HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Bên mời thầu xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định;</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, đ và e Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm đ và điểm e Mục 32.1 CDNT.</p>
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>33.1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên trang web đấu thầu của CNG Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a. Tên nhà thầu trúng thầu;</p> <p>b. Giá trúng thầu;</p>

	<p>c. Loại hợp đồng;</p> <p>d. Thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>e. Thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>f. Các nội dung cần lưu ý (nếu có).</p> <p>33.2. Bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu, trong nội dung văn bản thông báo bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin quy định tại điểm a,b,c,d Khoản 1 điều này</p> <p>b. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;</p> <p>c. Kế hoạch hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>33.3. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị hoặc gặp trực tiếp Bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.4. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	Không áp dụng
35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	Không áp dụng
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Bên mời thầu sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu.</p> <p>36.3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 2 Điều 5. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu được Bên</p>

	<p>mời thầu chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, Bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu hiện hành.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị đến địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Bên mời thầu. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p>
39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc
CDNT 1.2	Tên gói thầu: PTV-Thuê xe ô tô văn phòng
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện gói thầu: 48 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn Sản xuất kinh doanh.
CDNT 8	Chi phí nộp HSDT: Miễn phí
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 40 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.3	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 30.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 70 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.5	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày , kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 19.1	Thời điểm đóng thầu: 14 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 09 năm 2025
CDNT 21.1	Việc mở HSDT sẽ được tiến hành công khai vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 09 năm 2025 tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc, Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội.
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt / Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: <i>áp dụng phương pháp</i> “Đạt / Không đạt”. - Đánh giá về tài chính: <i>phương pháp giá thấp nhất, với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III.</i>
CDNT 29.2 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: - <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất:</i> Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;
CDNT 31.5	- <i>Phương pháp giá thấp nhất:</i> “Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;

CDNT 31.6	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu".
CDNT 38.2	<p>Người có thẩm quyền:</p> <p>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Hoàng Thanh Vân - Giám đốc - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội. ĐT: 024 625 20777</p>
CDNT 39	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát:</p> <p>Ông Trịnh Anh Tú – PP.KTTH – Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội. ĐT: 024 625 20777</p>

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐT

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐT:

a) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: đơn dự thầu; giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

b) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐT:

HSĐT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp Giá dự thầu, không đề xuất các Giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu;

e) Thời gian có hiệu lực của HSĐT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 17 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

f) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 18 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Mô tả	Yêu cầu	Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07

2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Tài liệu chứng minh nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm ⁽³⁾ tài chính gần nhất (2022, 2023, 2024) của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 610.000.000 VND .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Báo cáo tình hình doanh thu 3 năm: 2022, 2023, 2024. - Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁴⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự ⁽⁵⁾ : Cung cấp dịch vụ thuê xe ô tô; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu ⁽⁶⁾ : 200.000.000 VND .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05
KẾT LUẬN			“ Đạt ” nếu đạt tất cả các mục nêu trên	
			“ Không đạt ” nếu không đạt bất kỳ các mục trên	

Nhà thầu có HSDT đạt về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật

* **Ghi chú:**

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Bên mời thầu đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết

tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này:

- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1, Y-2).

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định theo luật đấu thầu hiện hành thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(5) (6) Hợp đồng tương tự:

Việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau: nhà thầu phải chứng minh bằng ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng yêu cầu của gói thầu đang xét hoặc có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) có giá trị đáp ứng yêu cầu của gói thầu đang xét.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

STT	Yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Tài liệu chứng minh
1	Yêu cầu chung		
	Chủng loại	New Carnival - 1.6 HEV Signature 7S	Catalog nhà sản xuất
	Số chỗ ngồi	07 chỗ	
	Năm sản xuất	2025	
2	Thông số kỹ thuật		
	Kích thước tổng thể DxRxC	5.155 x 2.010 x 1.775 mm	Catalog nhà sản xuất
	Chiều dài cơ sở	3.090 mm	
	Bán kính vòng quay tối thiểu	5.8 mét	
	Dung tích bình nhiên liệu	72 lít	
	Thể tích khoang hành lý:	1.139 - 2.460 lít	
	Loại Động cơ	Động cơ xăng: Smartstream 1.6T HEV	
	Công suất cực đại động cơ xăng (hp/ rpm)	178/5,500	
	Mômen xoắn cực đại động cơ xăng(Nm/ rpm)	265/1,500- 4,500	
	Công suất cực đại động cơ điện (hp/rpm)	72/1,700-2,600	
	Mômen xoắn cực đại động cơ điện (Nm/rpm)	304/0-1,600	
	Công suất cực đại kết hợp (hp)	242	
	Mômen xoắn cực đại kết hợp (Nm)	367	
	Hộp số	6AT	
	Hệ thống dẫn động:	Cầu trước	
	Thông số lốp xe: 235/55R19	235/55R19	
	Màu	xám/ghi	
	Nội thất	Nâu đỏ	
3	Tình trạng	Xe mới 100%	Bản cam kết theo Mẫu số 09
4	Thời gian bàn giao xe	03/10/2025	

Mục 4. Đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định Giá dự thầu thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định Giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDT có Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán Giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong

HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDT của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở Giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn dự thầu	Form mẫu		X
2	Mẫu số 02. Giấy uỷ quyền	Form mẫu		X
3	Mẫu số 03. Bảo lãnh dự thầu	Thư bảo lãnh		X
4	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu	Form mẫu		X
5	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
6	Mẫu số 06. Bản kê khai thông tin nhà thầu			X
7	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
8	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu	Form mẫu		X
9	Mẫu số 09. Bản cam kết	Form mẫu		X
10	Mẫu số 10. Chào phạm vi công việc	Form mẫu		X

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ___ tháng ___ năm 20___

Tên gói thầu: ___

Kính gửi: ___

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Ghi tên nhà thầu*], Mã số thuế _____, [*Ghi mã số thuế của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*] cùng với bảng giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện gói thầu: [*phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu*]

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Nhà thầu tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: ___ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT;

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽³⁾.

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT.

(2) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(3) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 3 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.3 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Bên mời thầu, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.3 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.4 Chương 1-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dịch vụ thuê xe New Carnival	- Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	Ngày	29			Từ ngày 03/10/2025 - 31/10/2025
2			Tháng	14			Từ ngày 1/11/2025 - 31/12/2026
3	Cộng trước thuế						
4	Thuế VAT (3*8%)						
5	Dịch vụ thuê xe New Carnival	Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	Tháng	33			Từ ngày 1/1/2027 - 30/09/2029
6	Thuế VAT (5*10%)						
7	TỔNG CỘNG						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Bên mời thầu:	<i>[ghi tên đầy đủ của Bên mời thầu trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Bên mời thầu] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(2) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND và áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày ký kết hợp đồng đó để làm cơ sở đánh giá.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu.]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
<ol style="list-style-type: none"> Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương II

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Bên mời thầu: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSDT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽¹⁾	<i>(Nhà thầu tự tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSDT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSDT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác

BẢN CAM KẾT

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Mời thầu, văn bản sửa đổi hồ sơ Mời thầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ Mời thầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ cho thuê xe với các nội dung như sau:

- Xe mới 100%;
- Thời gian bàn giao xe: 03/10/2025.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẠM VI CUNG CẤP

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện giao nhận	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ thuê xe New Carnival	- Đòi xe 2025	29	Tháng	Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	Từ ngày 03/10/2025 - 31/10/2025
2		- Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	14			Từ ngày 1/11/2025 - 31/12/2026
3	Dịch vụ thuê xe New Carnival	Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	33			Từ ngày 1/1/2027 - 30/09/2029

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- a. Tên gói thầu: PTV-Thuê xe ô tô văn phòng
- b. Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc
- c. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định
- d. Thời gian thực hiện gói thầu: 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
- e. Thời gian thực hiện hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

2.1. Phạm vi, tiến độ thực hiện công việc:

Mục 1. Phạm vi cung cấp gói thầu

STT	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dịch vụ thuê xe New Carnival	- Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	Ngày	29			Từ ngày 03/10/2025 - 31/10/2025
2			Tháng	14			Từ ngày 1/11/2025 - 31/12/2026
3	Dịch vụ thuê xe New Carnival	Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	Tháng	33			Từ ngày 1/1/2027 - 30/09/2029

- Đặc tính kỹ thuật xe:

STT	Yêu cầu	Nội dung yêu cầu
1	Yêu cầu chung	
	Chủng loại	New Carnival - 1.6 HEV Signature 7S
	Số chỗ ngồi	07 chỗ
	Năm sản xuất	2025
2	Thông số kỹ thuật	
	Kích thước tổng thể DxRxC	5.155 x 2.010 x 1.775 mm
	Chiều dài cơ sở	3.090 mm
	Bán kính vòng quay tối thiểu	5.8 mét
	Dung tích bình nhiên liệu	72 lít
	Thể tích khoang hành lý:	1.139 - 2.460 lít
	Loại Động cơ	Động cơ xăng: Smartstream 1.6T HEV
	Công suất cực đại động cơ xăng (hp/ rpm)	178/5,500

	Mômen xoắn cực đại động cơ xăng(Nm/ rpm)	265/1,500- 4,500
	Công suất cực đại động cơ điện (hp/rpm)	72/1,700-2,600
	Mômen xoắn cực đại động cơ điện (Nm/rpm)	304/0-1,600
	Công suất cực đại kết hợp (hp)	242
	Mômen xoắn cực đại kết hợp (Nm)	367
	Hộp số	6AT
	Hệ thống dẫn động:	Cầu trước
	Thông số lốp xe: 235/55R19	235/55R19
	Màu	xám/ghi
	Nội thất	Nâu đỏ
3	Tình trạng	Xe mới 100%

Phần 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG THUÊ XE
Số: /CNGNORTH – ...

- Căn cứ Biên bản thương thảo số .../BB-CNMB ngày .../.../2025;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Địa chỉ: Tầng 21 tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, TP Hà Nội

Mã số thuế: 3500800828-001

Điện thoại: (84) 024 6252 0777

Fax: (84) 024 6256 0777

Số tài khoản (VND): 1600088668 tại ngân hàng BIDV - CN Sở giao dịch III – PGD Nguyễn Khang - Hà Nội

Đại diện: Ông Hoàng Thanh Vân

Chức vụ: Giám đốc

(Ủy quyền số: 08/UQ – CNGVN ngày 21 tháng 08 năm 2025)

Bên B: CÔNG TY

Địa chỉ:

Tài khoản:

Mã số thuế: ...

Đại diện : ...

Chức vụ: ...

Hai Bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: PHƯƠNG TIỆN CHO THUÊ

Bên B đồng ý cho thuê và Bên A đồng ý thuê xe của Bên B để phục vụ công tác đi lại của văn phòng và các giao dịch của Bên A.

- 1.1 Loại xe: 01 xe New Carnival, Bản 1.6 HEV Signature 7S, sản xuất năm 2025, xe mới 100%, ngoại thất màu ghi xám, nội thất màu nâu đỏ, loại xe 07 chỗ ngồi, yêu cầu kỹ thuật và những nội dung khác theo HSMT
- 1.2 Mục đích sử dụng: phục vụ công việc đi lại của văn phòng và các giao dịch của Bên A.
- 1.3 Tuyến đường lưu hành: Trên lãnh thổ Việt Nam.
- 1.4 Bàn giao xe: Biên bản bàn giao xe thực tế là cơ sở xác định chất lượng, tình trạng xe và là một phần không thể tách rời hợp đồng này.

- 1.5 Giấy tờ xe kèm theo: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự, bảo hiểm thân vỏ, sổ đăng kiểm, sổ bảo dưỡng xe và các giấy tờ liên quan bản gốc. Trong trường hợp không đủ giấy tờ có thể thay thế bằng giấy xác nhận đảm bảo của ngân hàng để xe được lưu hành hợp pháp.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

ĐIỀU 3: GIÁ DỊCH VỤ

3.1 Giá trị Hợp đồng tạm tính.

Hợp đồng theo đơn giá cố định;

Giá trị hợp đồng tạm tính:(Bằng chữ:.....); Đã bao gồm thuế, phí.

Cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dịch vụ thuê xe New Carnival	- Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	Ngày	29			Từ ngày 03/10/2025 - 31/10/2025
2			Tháng	14			Từ ngày 1/11/2025 - 31/12/2026
3	Cộng trước thuế						
4	Thuế VAT (3*8%)						
5	Dịch vụ thuê xe New Carnival	Đòi xe 2025 - Bản 1.6 HEV Signature 7S - Xe 07 chỗ	Tháng	33			Từ ngày 1/1/2027 - 30/09/2029
6	Thuế VAT (5*10%)						
7	TỔNG CỘNG						

Ghi chú:

- Bên A tự thanh toán chi phí cầu phà, bến bãi phát sinh trong quá trình sử dụng xe hàng ngày và phí đỗ cố định.
- Giá thuê xe đã bao gồm: Chi phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 100% bảo hiểm vật chất, thủy kích cho xe, dán phim cách nhiệt 3M chính hãng, thảm trải sàn chính hãng 01 năm thay 01 lần, thay nhớt và bảo dưỡng định kỳ, chi phí vật tư thay thế, sửa chữa đột xuất hư hỏng do lỗi kỹ thuật của xe, phí sử dụng đường bộ và các loại phí khác do nhà nước ban hành, thay lốp do hao mòn tự nhiên (định mức theo định mức của nhà sản xuất đối với loại lốp sử dụng nhưng không quá 50.000km/lần) cho lái xe và người sử dụng xe của Bên A trong thời hạn thuê quy định tại Điều 2 của Hợp đồng. Trong trường hợp chưa đến thời hạn thay lốp như kể trên mà lốp xe đã mòn (do điều kiện

đường xá tại Việt Nam, đồng thời thỏa mãn điều kiện mòn tự nhiên, bên B vẫn phải tiến hành thay lốp xe cho bên A để đảm bảo an toàn trong khi sử dụng xe. Trường hợp xe hư hỏng do lỗi sử dụng của bên A như tai nạn, thủy kích... phải đưa vào sửa chữa hoặc lốp hư hỏng do lỗi sử dụng của bên A thì bên B thay thế cho bên A. Trong thời gian sửa chữa thì bên A phải chịu chi phí sửa chữa này.

- Đơn giá thuê không bao gồm các khoản chi phí dưới đây:
- + Chi phí nhiên liệu, cầu phà, bến bãi;
- + Chi phí lương cho lái xe;
- + Rửa xe, vá lốp;
- + Các hư hỏng nhỏ dưới 1.000.000đ, các sự cố vi phạm giao thông (nếu có).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Ngay sau khi ký hợp đồng bên A có trách nhiệm thanh toán đặt cọc số tiền bằng giá trị 03 tháng thuê xe đã bao gồm thuế VAT cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ khi bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán đặt cọc (bản gốc);
- + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (bản gốc).

(Số tiền đặt cọc sẽ được bên A trừ vào tiền thuê xe của kỳ cuối cùng)

4.2. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B chi phí thuê xe định kỳ 03 (ba) tháng/lần vào cuối kỳ trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- + Hoá đơn GTGT theo quy định Bộ tài chính (bản gốc);
- + Bảng tổng hợp chi phí thuê xe 03 tháng (bản gốc).
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng (VND).
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm so với quy định trên Bên B sẽ tính theo lãi suất vay ngắn hạn (thời hạn 6 tháng) của Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố tại thời điểm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán.
- Phí ngân hàng của bên nào do bên đó chịu.

ĐIỀU 5: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

5.1. Bên B phải mở bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A (từ **2-3% giá trị hợp đồng**) tương ứng: VNĐ (Bằng chữ:.....)

5.2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chuyển khoản hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

5.3. Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực.

5.4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ không được Bên A hoàn trả cho Bên B khi:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng;

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

6.1. Quyền của Bên A:

- Bên A có toàn quyền sử dụng xe của Bên B trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
- Thông báo trước cho Bên B kế hoạch, thời gian bảo dưỡng, sửa chữa xe theo định kỳ, định cấp.
- Đề nghị tiếp tục gia hạn Hợp đồng này trước khi hết thời hạn thuê tối thiểu 30 ngày.

6.2. Trách nhiệm của Bên A:

- Bên A có trách nhiệm kiểm tra chất lượng và tình trạng xe khi nhận bàn giao tại TP. Hà Nội.
- Sử dụng xe đúng mục đích, đúng pháp luật. Mọi vi phạm pháp luật theo quy định của Nhà nước Việt Nam trong quá trình Bên A sử dụng xe thuê của Bên B mà do lỗi Bên A thì Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Thanh toán tiền dịch vụ thuê xe của Hợp đồng này cho Bên B đúng kỳ hạn như Điều 4.
- Bên A có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về an toàn kỹ thuật, chất lượng phương tiện kể từ khi nhận bàn giao xe từ Bên B trong quá trình sử dụng.
- Đối với những trường hợp xe cho thuê bị hư hỏng, mất cắp, tai nạn trong quá trình Bên A sử dụng thì Bên A phối hợp với bên B để làm việc với đơn vị bảo hiểm để bồi thường, thay thế phụ tùng chính hãng cho xe và các thiệt hại có liên quan đến bên thứ ba, trường hợp chi phí không thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì bên A chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này.
- Bên A không được phép cho bên thứ ba thuê hoặc mượn lại phương tiện thuê mà bên A không có đề xuất và được bên B chấp thuận bằng văn bản. Mọi quyền, trách nhiệm của bên thứ ba liên quan đến tài sản mà bên A thuê của bên B hoàn toàn do bên A quy định, thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và bên thứ ba.
- Hàng tháng, bên A sắp xếp 01 ngày để xe thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

7.1. Quyền của Bên B:

- Bên B có quyền nhận đầy đủ và đúng hạn tiền thuê xe theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.
- Bên B có quyền nhận lại xe trong tình trạng hoạt động bình thường, sau khi Hợp đồng này chấm dứt.

7.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B cam kết là chủ thể có thẩm quyền ký và thực hiện Hợp đồng này theo quy định pháp luật và hiện là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất đối với tài sản cho thuê hoặc có quyền hợp pháp để cho thuê xe ô tô trên.
- Đảm bảo cho xe luôn ở tình trạng hoạt động tốt, xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật, lỗi do nhà sản xuất. Trong trường hợp không xử lý được thì phải thay thế bằng xe dự phòng có chất lượng tương đương đang trong tình trạng hoạt động tốt và chịu mọi chi phí phát sinh cho việc thay xe.

- Bên B cung cấp xe đúng yêu cầu của Bên A với chất lượng, chủng loại xe theo các đặc điểm mô tả trong bảng giá thuê xe tại Điều 3 của hợp đồng này.
- Bên B mua bảo hiểm dân sự bắt buộc, 100% bảo hiểm vật chất xe, thủy kích cho xe, dán phim cách nhiệt 3M chính hãng, thảm trải sàn chính hãng 01 năm thay 01 lần, cho lái xe và người sử dụng xe của Bên A trong thời hạn thuê quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.
- Trong trường hợp xe bị tai nạn, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A cung cấp kịp thời tài liệu liên quan để phục vụ công tác giải quyết các vấn đề bảo hiểm cho xe, người sử dụng xe của Bên A.
- Bên B chủ động bảo dưỡng, sửa chữa xe bằng vật tư chính hãng và theo khuyến cáo của nhà sản xuất để đảm bảo xe luôn trong tình trạng hoạt động an toàn, tốt nhất.
- Chịu 100% chi phí bảo dưỡng định kỳ cho xe và các khoản thuế liên quan đến Hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm phải sửa chữa xe ngay kể từ thời điểm xe bị hư hỏng, tai nạn hoặc đến thời hạn bảo dưỡng. Trong thời gian bảo dưỡng, sửa chữa bên B có trách nhiệm cung cấp xe thay thế phải có chất lượng tương đương và đang hoạt động trong tình trạng tốt cho Bên A.
- Đảm bảo điều kiện xe được lưu hành hợp pháp.
- Chịu trách nhiệm thanh toán 100% chi phí hỏng hóc do lỗi kỹ thuật của xe với giá trị từ 1.000.000 đồng trở lên.

ĐIỀU 8: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- Hợp đồng này được ràng buộc, diễn giải và hiểu theo luật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.
- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình áp dụng và thực hiện Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương thảo trên nguyên tắc thiện chí và hợp tác giữa hai Bên.
- Trong trường hợp không thể thương lượng được, các tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định của Pháp luật
- Các chi phí và phí tổn phát sinh khi giải quyết tranh chấp giữa các Bên trong Hợp đồng này sẽ do Tòa án quyết định.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

Bất khả kháng là sự kiện hay tình huống bất thường ngoài tầm kiểm soát của các Bên như chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, thiên tai (như lũ lụt, động đất, núi lửa phun trào, sóng thần, bão lốc...), tai nạn, mất tích phương tiện,... xảy ra và việc đó ngăn cản một hay các Bên của Hợp đồng trong việc hoàn thành bổn phận và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng đã ký kết. Việc xử lý tình huống bất khả kháng sẽ theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên đã đọc kỹ, hiểu rõ từng nội dung các điều khoản và cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung

chỉ có giá trị thực hiện khi được cả hai Bên thống nhất bằng văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền.

- Hợp đồng không hủy ngang. Sau khi hết thời gian hợp đồng, nếu bên A muốn thuê tiếp hoặc không thì bên A thông báo cho bên B bằng văn bản trước 30 ngày và hai bên tiến hành ký hợp đồng gia hạn.

- Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu có thay đổi tranh chấp phát sinh mà không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ và sử dụng các qui định của Luật pháp hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để giải quyết.

- Hợp đồng gồm 10 (mười) điều, được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để làm căn cứ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật của xe
(Đính kèm hợp đồng số.....)**

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
1	Yêu cầu chung	
	Chủng loại	New Carnival - 1.6 HEV Signature 7S
	Số chỗ ngồi	07 chỗ
	Năm sản xuất	2025
2	Thông số kỹ thuật	
	Kích thước tổng thể DxRxH	5.155 x 2.010 x 1.775 mm
	Chiều dài cơ sở	3.090 mm
	Bán kính vòng quay tối thiểu	5.8 mét
	Dung tích bình nhiên liệu	72 lít
	Thể tích khoang hành lý:	1.139 - 2.460 lít
	Loại Động cơ	Động cơ xăng: Smartstream 1.6T HEV
	Công suất cực đại động cơ xăng (hp/ rpm)	178/5,500
	Mômen xoắn cực đại động cơ xăng(Nm/ rpm)	265/1,500- 4,500
	Công suất cực đại động cơ điện (hp/rpm)	72/1,700-2,600
	Mômen xoắn cực đại động cơ điện (Nm/rpm)	304/0-1,600
	Công suất cực đại kết hợp (hp)	242
	Mômen xoắn cực đại kết hợp (Nm)	367
	Hộp số	6AT
	Hệ thống dẫn động:	Cầu trước
	Thông số lốp xe: 235/55R19	235/55R19
	Màu	xám/ghi
	Nội thất	Nâu đỏ
3	Tình trạng	Xe mới 100%